

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST
Ngày 28 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC-TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí;

Ông Trần Minh Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025; về việc tranh chấp vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1968; cư trú tại: Tổ C, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bà Huỳnh Thị Kim N, địa chỉ: Số C, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phạm Văn S, theo hợp đồng ủy quyền 26/11/2024 (có mặt).

Bị đơn:

- Ông Mai Hảo H, sinh năm: 1980;

- Bà Dương Ngọc H1, sinh năm: 1988; cùng cư trú tại: Tổ A, khu phố K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim N đại diện cho nguyên đơn trình bày: Vợ, chồng ông Mai Hảo H, bà Dương Ngọc H1 thuê nhà gần chỗ ở ông Phạm Văn S có quen biết nhau, thấy vợ, chồng ông H làm ăn tốt nên có hỏi vay tiền của ông S. Lần đầu ngày 12 tháng 7 năm 2024, ông S cho vợ, chồng ông H, bà H1 vay với số tiền 100.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, vợ chồng ông H đã trả được 43 ngày = 43.000.000 đồng, còn nợ 57.000.000 đồng. Trong thời gian này vợ, chồng ông H mượn thêm của ông S số tiền 10.000.000 đồng + với số tiền vợ, chồng ông H còn nợ lại của ông S 57.000.000 đồng = 67.000.000 đồng. Thấy trong thời gian vay trả ngày vợ, chồng ông H trả góp đầy đủ nên hỏi vay thêm của ông S số tiền 100.000.000 đồng, ông S thấy có uy tín nên đồng ý cho vợ, chồng ông H, bà H1 vay thêm 100.000.000 đồng ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các bên có ký vào giấy cho mượn tiền. Ông S đưa cho vợ, chồng ông H số tiền 100.000.000 đồng tại nhà ông S, thời hạn 02 tháng từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 24 tháng 9 năm 2024. Do vợ, chồng ông H không trả nợ nên vợ ông S có viết vào góc trái phía dưới cùng tờ giấy cho mượn tiền ngày 24 tháng 7 năm 2024, là vợ, chồng ông H còn nợ của ông Phạm Văn S tổng số tiền 167.000.000 đồng (trong đó, 100.000.000 đồng nợ ngày 24/7/2024 và 67.000.000 đồng của nợ trước).

Theo giấy mượn tiền ngày 24/7/2024, không có ghi thể hiện rõ lãi suất hàng tháng nhưng các bên có thỏa thuận miệng là lãi suất 2%/tháng nhưng vợ, chồng ông H không có trả lãi, mà chỉ có trả tiền góp được 43.000.000 đồng đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 12 tháng 7 năm 2024.

Do ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Phạm Văn S khởi kiện ban đầu yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả cho ông Phạm Văn S tổng số tiền 167.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà N đại diện cho ông S chỉ yêu cầu ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả cho ông Phạm Văn S số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu Tòa án cho rút lại phần yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả cho ông Phạm Văn S số tiền 67.000.000 đồng.

Bị đơn ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 đã được Tòa án thực hiện phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông H, bà H1 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, đưa ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn S về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả cho ông Phạm Văn S số tiền 100.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần ông S rút yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả số tiền 67.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S đối với bị đơn ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1. Ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 có nơi cư trú: Tổ A, khu phố K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Phạm Văn S với bị đơn ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 vẫn còn thời hiệu được quy định tại Điều 184, 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149, 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông H, bà H1 là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, theo phía nguyên đơn trình ngày 12 tháng 7 năm 2024, ông S cho vợ, chồng ông H, bà H1 vay với số tiền 100.000.000 đồng, theo phương thức trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng. Vợ, chồng ông H đã trả cho ông S được 1.000.000 đồng X 43 ngày = 43.000.000 đồng. Trong thời gian này ông S cho vợ, chồng ông H mượn thêm số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền vợ, chồng ông H còn nợ của ông S là 100.000.000 đồng – 43.000.000 đồng = 57.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 67.000.000 đồng. Ngày 24 tháng 7 năm 2024, ông S cho vợ, chồng ông H vay số tiền 100.000.000 đồng, giữa các bên có xác định nợ và có viết giấy cho mượn tiền ngày 24 tháng 7 năm 2024, đã được bên cho mượn tiền ông Phạm Văn S và bên mượn tiền ông Mai Hảo H, bà Dương Ngọc H1 ký tên. Tổng số tiền mà vợ, chồng ông H còn nợ của của ông Phạm Văn S là 167.000.000 đồng.

[2.3] Theo khởi kiện ban đầu ông Phạm Văn S yêu cầu ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả cho ông Phạm Văn S tổng số tiền 167.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía ông S chỉ yêu cầu ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả cho ông Phạm Văn S số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu Tòa án cho rút lại phần yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc

H1 phải trả cho ông Phạm Văn S số tiền 67.000.000 đồng.

[2.4] Thời hạn các bên thỏa thuận là 02 tháng kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 24 tháng 9 năm 2024. Đến hạn mà vợ, chồng ông H không thực hiện việc trả nợ nên ông H và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ. Do vậy, ông Phạm Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 phải trả tiền nợ cho ông S là có căn cứ.

[2.5] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H và bà H1 hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Ông H, bà H1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện trả tiền của ông S. Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ cho ông H và bà H1 tham gia phiên tòa nhưng ông H và bà H1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà H1.

[2.6] Căn cứ và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Do đó, việc ông Phạm Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 liên đới trả cho ông Phạm Văn S của số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

[2.7] Do tại phiên tòa phía nguyên đơn có yêu cầu Tòa án cho rút lại phần về việc ông Phạm Văn S yêu cầu ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 liên đới trả cho ông Phạm Văn S của số tiền 67.000.000 đồng. Do vậy, đình chỉ đối với phần ông S yêu cầu ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 liên đới trả cho ông Phạm Văn S của số tiền 67.000.000 đồng.

[2.8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 liên đới phải chịu 100.000.000 đồng X 5% = 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S đối với ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1.

1. Buộc ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 liên đới trả cho ông Phạm Văn S số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ đối với phần ông Phạm Văn S yêu cầu ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 liên đới trả cho ông Phạm Văn S của số tiền 67.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Hảo H và bà Dương Ngọc H1 liên đới nộp 5.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn S số tiền 4.200.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Phạm Văn S đã nộp theo biên lai thu số 0013906, ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

5. Quyền kháng cáo bản án: Án xử sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHA huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Đức

